TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/DS-PT
Ngày 23/8/2017
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Viết Nam**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Đức Tân**
Ông **Võ Ngọc Mậu**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Hoàng Đình Vương Vũ** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị***: Ông **Đỗ Hoàng Sâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H;

Địa chỉ: Thôn L1, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị H: Ông Đỗ Đ (chồng) là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2016).

2. Bị đơn: Cộng đồng dân cư thôn L2

Địa chỉ: Thôn L2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đoàn Minh H - Trưởng thôn là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đoàn Thi B; Địa chỉ: K98/9 đường H, tổ 103, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Người kháng cáo: Cộng đồng dân cư thôn L2 là bị đơn trong vụ án.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày:

Gia đình ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H hiện đang sử dụng diện tích đất tọa lạc tại thôn L1, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của

ông Võ T từ năm 1991. Trước đó, thửa đất này gia đình ông Võ T1 sử dụng từ năm 1980. Tại thời điểm gia đình ông Đ nhận chuyển nhượng đất của ông T, các bên không xác định cụ thể diện tích đất là bao nhiêu nhưng đã xác định rõ ranh giới, mốc giới thửa đất với các hộ liền kề. Trong thời gian gia đình ông Đỗ Đ sử dụng đất đã xác định rõ ranh giới, mốc giới thửa đất ổn định, không có tranh chấp với các hộ sử dụng đất liền kề. Cụ thể, cạnh phía Tây giáp đất hộ ông P, cạnh phía Đông giáp đất ông T2. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông Đ đã làm nhà ở, lập vườn và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Vào năm 1995, do nhà bị cháy nên giấy tờ chuyển nhượng đất cũng bị cháy. Để có cơ sở chứng minh quyền sử dụng đất, ngày 08/11/1995 gia đình ông Đ làm đơn "Xin đất viên cư", sơ đồ thửa đất có ghi rõ ranh giới liền kề với các chủ sử dụng đất, đã được cán bộ địa chính xã và Chủ tịch UBND xã T lúc bấy giờ xác nhận.

Năm 1998, gia đình ông Đ làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên. Do kê khai không chính xác về diện tích đất xin cấp không đúng với diện tích đất thực tế đang sử dụng nên khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích nhỏ hơn so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. Khi phát hiện diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng, gia đình ông Đ đã nhiều lần làm đơn yêu cầu cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã T chỉ chấp nhận cấp bổ sung phần diện tích đất phía sau nhà ở là 521m^2, phần còn lại mặt tiền đường L3 5,2m, cạnh phía Tây 33m, cạnh phía Đông 40m, cạnh còn lại 7,1m thì không được giao vì cho rằng UBND xã đã quy hoạch mở đường giao thông nông thôn. Việc này ông Đ đã khởi kiện bằng vụ án hành chính đối với hành vi hành chính của UBND xã T và Tòa án nhân dân huyện H đã xét xử, tuyên bố chấm dứt hành vi hành chính của UBND xã T về việc quy hoạch mở đường do không đúng thẩm quyền. Bản án hành chính số 01/2015/HC-ST ngày 06/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện H đã có hiệu lực pháp luật. Thi hành bản án hành chính, UBND xã T đã làm thủ tục cấp bổ sung quyền sử dụng đất cho gia đình ông Đ. Tuy nhiên, trong thời gian công khai xét duyệt đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mặt tiền đường L3 5,2m, cạnh phía Tây 33m, cạnh phía Đông 40m, cạnh còn lại 7,1m thì Cộng đồng dân cư thôn L2 cho rằng diện tích đất này là của họ nên không đồng ý cấp cho gia đình ông Đ.

Do có tranh chấp về đất đai, UBND xã T đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, ông Đ và bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 189 m^2 đang có tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình họ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc Cộng đồng dân cư thôn L2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình họ; bởi vì năm 2014 gia đình ông Đ đào móng để xây dựng quán trên diện tích đất nói trên thì bị Cộng đồng dân cư thôn L2 cản trở, không cho làm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Minh H người đại diện hợp pháp của bị đơn (Cộng đồng dân cư thôn L2) trình bày:

Đối với diện tích đất mà gia đình ông Đỗ Đ đang sử dụng và đang có tranh chấp nói trên, Cộng đồng dân cư thôn L2 không đồng ý giao cho gia đình ông Đ sử dụng, vì nguyên thủy nguồn gốc diện tích đất này do nhân dân thôn L2 khai hoang, sử dụng từ năm 1975. Trước đây, UBND xã T đã có quy hoạch mở đường giao

thông nông thôn nhưng nay không mở đường nữa thì diện tích đất này phải được giao lại cho nhân dân thôn L2 quản lý, sử dụng chứ không đồng ý cấp đất cho cá nhân nào.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H: Xác định diện tích đất 189m^2 có vị trí; cạnh phía Bắc giáp đất ông Đỗ Đ dài 40m (Đất của ông Đỗ Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 310/QĐ-UB ngày 18/9/1998 tại tờ bản đồ số 1, thửa 250 tại xã T, huyện H); cạnh phía Nam giáp đất ông Võ Văn S dài 33m; cạnh phía Tây giáp đất ông Võ Văn S dài 7,1m; cạnh phía Đông giáp đường L3 rộng 5,2m tại thôn L1, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H.

- Buộc Cộng đồng dân cư thôn L2, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H đối với diện tích đất nói trên.

Ngày 25/5/2017, Cộng đồng dân cư thôn L2 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: không chấp nhận toàn bộ nội dung quyết định của bản án sơ thẩm. Vì phần diện tích đất 189m^2 mà ông Đ và bà H khởi kiện, trước đây do Cộng đồng dân cư thôn L2 khai hoang và canh tác từ khi lên xây dựng vùng kinh tế mới năm 1975. Đến năm 1997, UBND xã T có chủ trương mở đường và yêu cầu nhân dân thôn L2 không canh tác trên diện tích này. Do đó, diện tích đất này thuộc quyền sở hữu của nhân dân thôn L2.

Phần quyết định buộc Cộng đồng dân cư thôn L2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Đ, bà H là không đúng. Đề nghị Tòa án phúc thẩm không công nhận diện tích đất 189m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Đ và bà H.

Ngày 12/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị kháng nghị bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa với lý do:

- Về xác định diện tích đất đang có tranh chấp:

Tòa án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn công nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 189m^2 nhưng biên bản xem xét thẩm định tại chổ theo sơ đồ thửa đất nói trên có diện tích 150 m^2. Quá trình xem xét thẩm định tại chổ không đúng với diện tích đất thực tế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không phát hiện ra là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 97 và Điều 108 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thu thập tài liệu, chứng cứ làm cơ sở giải quyết vụ án:

Diện tích đất 189m^2 được Tòa án cấp sơ thẩm xác định có vị trí tại thửa đất số 250 thuộc tờ bản đồ số 1. Tuy nhiên, tại bản trích lục sơ đồ địa chính tổng quát xã T, trích ngày 18/12/2013 thể hiện diện tích đất 189m^2 đã được tách thành thửa số 249 nhưng chưa được làm rõ lý do và thời điểm tách thửa.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập một số tài liệu như biên lai nộp thuế đất nông nghiệp của hộ ông Đỗ Đ năm 1998 và năm 1999, giấy tờ liên quan đất hộ ông Đ đã được cấp và đất đang có tranh chấp. Tuy nhiên,

những tài liệu trên là chưa đầy đủ để làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị: áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: đồng ý với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng:

Ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H đề nghị Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị làm thủ tục cấp bổ sung phần diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình ông bà đã được cấp. Trong thời gian UBND xã T công khai xét duyệt đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ông Đ đề nghị cấp bổ sung thì Cộng đồng dân cư thôn L2 có tranh chấp, cho rằng đất của họ khai hoang từ năm 1975, nên không đồng ý cấp đất cho hộ ông Đ.

Do có tranh chấp, UBND xã T đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên ông Đ và bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 189 m^2 có tứ cạnh: phía Bắc giáp đất ông Đỗ Đ dài 40m, phía Nam giáp đất ông Võ Văn S dài 33m, phía Tây giáp đất ông Võ Văn S dài 7,1m, phía Đông giáp đường L3 rộng 5,2m; địa chỉ thửa đất tại: thôn L1, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc Cộng đồng dân cư thôn L2 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp nói trên của hộ gia đình ông Đ; bởi vì, năm 2014 khi gia đình ông Đ đào móng để xây dựng quán trên diện tích đất nói trên thì Cộng đồng dân cư thôn L2 cản trở không cho làm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

1. **Về quan hệ tranh chấp**: Ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H khởi kiện Cộng đồng dân cư thôn L2; tuy nhiên, đối tượng tranh chấp là thửa đất mà cả hai bên đều chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013. Do đó, cả nguyên đơn và bị đơn đều chưa được công nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng pháp luật.

2. **Về nội dung:** Ông Đ và bà H tuy là người sử dụng liên tục thửa đất nói trên và không có tranh chấp với các hộ liền kề nhưng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Cộng đồng dân cư thôn L2 không có bất kỳ một loại giấy tờ hoặc tài sản gì trên đất để chứng minh quyền sử dụng đất vì mục đích công cộng của cộng đồng dân cư, trong khi đối tượng tranh

chấp là thửa đất đang tọa lạc tại thôn L1 (cách xa thôn L2 hơn 01 Km). Theo quy định của pháp luật về đất đai, diện tích đất mà các bên đang tranh chấp hiện UBND xã T, huyện H đang trực tiếp quản lý và giải quyết khi có tranh chấp nên ông Đ và bà H không có quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với Cộng đồng dân cư thôn L2 theo quy định tại Điều 26, Điều 186 và điểm a khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại khoản 9 Điều 3 của Luật Đất đai 2013 quy định: *"Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định mà không có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất xác định"*. Theo khoản 5 Điều 98 của Luật Đất đai 2013 quy định: "*5. Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế."* và theo khoản 2 Điều 105 của Luật Đất đai 2013 thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị. Do đó, khi vợ chồng ông Đ và bà H có yêu cầu cấp bổ sung phần diện tích đất mà họ đã canh tác, sử dụng liên tục từ trước đến nay, không có tranh chấp với các hộ liền kề thì có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp đổi Giấy chứng quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xác định thửa đất với diện tích 189m^2 (diện tích thẩm định thực tế là 217 m^2) có tứ cạnh: phía Bắc giáp đất ông Đỗ Đ dài 40m, phía Nam giáp đất ông Võ Văn S dài 33m, phía Tây giáp đất ông Võ Văn S dài 7,1m, phía Đông giáp đường L3 rộng 5,2m tại thôn L1, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H là không đúng pháp luật về thẩm quyền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đỗ Đ bổ sung yêu cầu khởi kiện để buộc Cộng đồng dân cư thôn L2 chấm dứt hành vi cản trở. Tuy nhiên, việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sau khi đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thụ lý và thông báo cho bị đơn biết mà vẫn chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, hành vi cản trở của Cộng đồng dân cư thôn L2 đối với gia đình ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan quản lý đất đai là UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, đây không phải là một trong các loại tranh chấp hoặc yêu cầu dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án nhưng Tòa án cấp phúc thẩm thấy việc giải quyết lại là không có căn cứ pháp luật.

Từ sự phân tích, đánh giá nêu trên, thấy rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn trong vụ án và nội dung tranh chấp thuộc loại việc giải quyết của cơ quan quản lý Nhà nước, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về quyền khởi kiện của đương sự được quy định tại Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ông Đ và bà H không có quyền khởi kiện vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về phần nội dung vụ án cũng như nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và kháng cáo của bị đơn Cộng đồng dân cư thôn L2. Do đó, cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ: khoản tiền chi phí cho việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng, phía nguyên đơn ông Đỗ Đ tự nguyện chịu khoản chi phí này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị đơn Cộng đồng dân cư thôn L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đ và bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà họ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 186, điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 9 Điều 3, Điều 100 và khoản 2 Điều 105 của Luật Đất đai 2013, xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí:

- Bị đơn Cộng đồng dân cư thôn L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Cộng đồng dân cư thôn L2 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006903 ngày 30/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị.

- Hoàn trả lại cho ông Đỗ Đ và bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006786 ngày 18/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày **23/8/2017**.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Quảng Trị;*
- *TAND huyện H;*
- *Chi cục THADS H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đinh Viết Nam